

Bản án số: 31/2019/HNGĐ - ST

ĐH, ngày 26 tháng 11 năm 2019

Ngày: 26/11/2019.

“Về việc ly hôn, tranh
chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thiện Hoàng.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đức Tuế.

2. Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái nguyên tham gia phiên tòa: Ông Đinh Khánh Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nông Thị K, sinh 1988.

Nơi ĐKKHKT: Thôn LP, xã SP, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: Xóm KH, xã TL, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh Ma Tuấn Tr, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Thôn LP, xã SP, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội.

Địa chỉ: Tòa nhà CC5 BDLĐ, phường HL, quận HM, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Ma Đình L – Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

Địa chỉ trụ sở: Số 467, xóm Bãi Á1, thị trấn TC, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 25/6/2019 và quá trình tố tụng giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nông Thị K trình bày:

Chị và anh Tr kết hôn với nhau vào ngày 12/9/2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương. Sau khi kết hôn chị về nhà anh Tr làm dâu ngay và chung sống cùng gia đình chồng được hai tháng thì ra ở riêng trên đất của bố mẹ chồng cho. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2009 thì giữa vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau trong việc ăn ở, sinh hoạt, lời nói và trong cách nuôi dạy con cái. Anh Tr mỗi lần đi uống rượu về lại hay đánh, chửi chị, chị góp ý nhưng anh Tr không thay đổi được tính tình, nếp sống ăn ở như trước đây, năm 2015 chị đi làm công nhân anh Tr ở nhà hay tụ tập bạn bè uống rượu nhiều lần chị và gia đình hai bên khuyên bảo nhưng anh Tr không nghe. Giữa vợ chồng luôn bất đồng, không có tiếng nói chung, sống không hạnh phúc. Tháng 7/2018 chị về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng chính thức sống ly thân cho đến nay và không hỏi thăm gì đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, chị K xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị cương quyết xin được ly hôn Tr.

Về con chung: Chị K xác định vợ chồng có hai con chung là Ma Thị Th, sinh ngày 19/8/2008 và Ma Đình D, sinh ngày 31/10/2011. Hiện nay các con đang ở với anh Tr. Ly hôn, chị xin được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh Tr phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung, thu nhập của chị hiện nay được khoảng từ 10.000.000đ/ 01 tháng.

Về tài sản chung, khoản có cho vay chung: Chị K xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị K, xác định hiện nay vợ chồng nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên số tiền là 58.000.000^d (Năm mươi tám triệu). Trong đó khoản nợ vay ngày 23/12/2016 vay để cải tạo chèo với số tiền 8.000.000^d; khoản nợ vay ngày 18/6/2018 vay để mua trâu với số tiền 50.000.000^d, chị K xác định đây là những khoản nợ chung của vợ chồng nhưng anh Tr là người được sử dụng. Ly hôn chị yêu cầu anh Tr phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi theo mã khách hàng và theo hợp đồng đã ký.

Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị K xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về khoản có cho vay chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị K xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Tr vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải anh Tr xác định lời trình bày của chị K về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, về những mâu thuẫn của vợ chồng, thời gian sống ly thân, về con chung như chị K trình bày là đúng anh không bổ sung gì thêm. Năm 2009 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng về quan điểm sống và trong ăn ở sinh hoạt, nuôi dạy con cái. Giữa vợ chồng luôn bất đồng, không có tiếng nói chung, sống không hạnh phúc, vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 7/2018 cho đến nay và không hỏi thăm, quan tâm gì đến nhau. Nay chị K cương quyết xin ly hôn anh đồng ý vì xác định tình cảm vợ chồng cũng không còn nên cần giải thoát cho nhau.

Về con chung: Chị K xác định vợ chồng có hai con chung là Ma Thị Th, sinh ngày 19/8/2008 và Ma Đình D, sinh ngày 31/10/2011. Hiện nay các con đang ở với anh. Ly hôn, anh xin tiếp tục được nuôi cháu Ma Đình D, sinh ngày 31/10/2011 và không yêu cầu chị K phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung còn cháu Ma Thị Th, sinh ngày 19/8/2008 anh đồng ý để chị K được nuôi dưỡng, thu nhập của anh hiện nay được khoảng từ 5.000.000đ – 6.000.000đ/ 01 tháng.

- Về tài sản chung, khoản có cho vay chung: Anh Tr xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về khoản nợ chung: Anh Tr xác định vợ chồng hiện nay nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên số tiền là 58.000.000đ (Năm mươi tám triệu). Trong đó khoản nợ vay ngày 23/12/2016 vay để cải tạo chè với số tiền 8.000.000đ; khoản nợ vay ngày 18/6/2018 vay để mua trâu với số tiền 50.000.000đ, anh Tr xác định đây là những khoản nợ chung của vợ chồng nhưng anh là người trực tiếp đứng lên vay và trực tiếp sử dụng. Ly hôn anh đồng ý nhận và trả toàn bộ số tiền nợ là 58.000.000đ nợ gốc và lãi theo mã khách hàng và theo hợp đồng vay vốn.

- Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Anh Tr xác định chị K không có công sức gì.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa ngày hôm nay xác định:

Về khoản nợ chung của vợ, chồng chị K, anh Tr trình bày là đúng, tổng số nợ là 58.000.000đ. Ly hôn chị K, anh Tr thống nhất thỏa thuận anh Tr có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền 8.000.000đ nợ gốc và lãi theo khế ước vay ngày 23/12/2016 và toàn bộ số tiền 50.000.000đ ngày 18/6/2018. Đại diện Ngân hàng đồng ý sự thỏa thuận nêu trên, đề nghị Tòa án ghi nhận.

Trước khi chuyển sang phần nghị án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH xác định: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án nhân dân huyện ĐH xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị K, cho chị K được ly hôn anh Tr. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Ma Thị Thùy, sinh ngày 19/8/2008 và cháu Ma Đình Dương, sinh ngày 31/10/2011 cho chị K trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Tr, do chị K tự nguyện không yêu cầu và được chị K đồng ý. Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, Không có, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết. Về nghĩa vụ trả nợ anh Tr có trách nhiệm trả nợ với tổng số tiền là 58.000.000đ nợ gốc và lãi theo sổ vay vốn, theo quy định của Ngân hàng. Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Không có, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch chị K, anh Tr phải chịu theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định của pháp luật, tiến hành hòa giải vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Vì vậy vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

Về tố tụng:

Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi mà bị đơn cư trú tại thôn LP, xã SP, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự, xác minh. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

- Xét yêu cầu xin ly hôn của chị K nhận thấy: Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian hạnh phúc, trong ăn ở sinh hoạt hàng ngày vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, không có tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống. Chị K cho rằng do anh Tr mỗi lần đi uống rượu về lại hay đánh, chửi chị, chị góp ý nhưng anh

Tr không thay đổi được tính tình, nếp sống ăn ở như trước đây. Anh Tr cho rằng vợ chồng có bất đồng về quan điểm sống trong ăn ở sinh hoạt, nuôi dạy con cái, không có tiếng nói chung. Giữa hai vợ chồng đã không tìm được tiếng nói chung, ai cũng đi tìm công việc, cuộc sống riêng cho mình, ai cũng có lý do và đổ lỗi cho nhau về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, dẫn đến việc chị K xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, đã giành nhiều thời gian cho vợ chồng để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Chị K, anh Tr cũng không đưa ra được biện pháp, cách thức nào để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm Tr, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị K là có căn cứ, đúng thực tế. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay chị K không rút đơn xin ly hôn mà cương quyết xin được ly hôn anh Tr. Căn cứ Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu xin ly hôn của chị K cần được chấp nhận.

- Về yêu cầu xin nuôi con của chị K, anh Tr xét thấy: Chị K và anh Tr có hai con chung là Ma Thị Thùy, sinh ngày 19/8/2008 và Ma Đình Dương, sinh ngày 31/10/2011. Chị K, anh Tr đều có nơi ở, có việc làm, có thu nhập ổn định. Việc giao cháu Thùy cho chị K được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của chị K, của cháu Th, đảm bảo quyền, lợi ích mọi mặt của cháu Th. Cần giao cháu D cho anh Tr được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của anh Tr để đảm bảo quyền, lợi ích mọi mặt của cháu D. Vì vậy cần giao cháu Th cho chị K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), giao cháu D cho anh Tr được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp cần được chấp nhận.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con chung Tòa án đã giải thích đây là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ nhưng chị K, anh Tr tự nguyện không yêu cầu và được chị K, anh Tr đồng ý. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, khoản có cho vay chung: Chị K, anh Tr xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về khoản nợ chung và nghĩa vụ trả nợ: Chị K, anh Tr có hai khoản nợ chung tại Ngân hàng Chính sách xã hội, chi nhánh phòng giao dịch huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên với tổng số nợ là 58.000.000đ nợ gốc theo hợp đồng đã ký kết. Ly hôn anh Tr có trách nhiệm trả 58.000.000đ nợ gốc và lãi theo sổ vay vốn và theo quy định của Ngân hàng.

- Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị K, anh Tr xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị K, anh Tr phải chịu dân sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị K được ly hôn anh Ma Tuấn Tr.

2. Về con chung: Giao cho chị Nông Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Ma Thị Th, sinh ngày 19/8/2008. Giao cho anh Ma Tuấn Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Ma Đình D, sinh ngày 31/10/2011 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được, chị K, anh Tr có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị K, anh Tr, do chị K, anh Tr tự nguyện không yêu cầu và được chị K, anh Tr đồng ý.

3. Về tài sản chung, khoản có cho vay chung: Chị Nông Thị K, anh Ma Tuấn Tr xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung và nghĩa vụ trả nợ: Anh Ma Tuấn Tr có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng Chính sách xã hội qua phòng giao dịch Ngân hàng chính sách huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng) nợ gốc và lãi theo theo sổ vay vốn ký kết ngày 23/12/2016 và 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) nợ gốc và lãi theo theo sổ vay vốn ký kết ngày 18/6/2018 và theo quy định của Ngân hàng.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi xuất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự

5. Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị Nông Thị K và anh Ma Tuấn Tr đều xác định không có, vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng:

Nông Thị K phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008691, ngày 28/6/2019. Anh Ma Tuấn Tr phải chịu 2.900.000^d (Hai triệu chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn tại phiên tòa báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Định Hoá (2 bản);
- Chi cục THADS huyện ĐH;
- UBND xã TL;
- Các đương sự;
- lưu Hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thiện Hoàng